

V.I.LÊNIN VỚI CHỦ NGHĨA TAM DÂN CỦA TÔN TRUNG SƠN

NGUYỄN NĂNG NAM(*)

Trước hết, bài viết trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn: chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa dân quyền và chủ nghĩa dân sinh. Cùng với việc chỉ ra những ưu điểm, những cái mới trong cương lĩnh chính trị này của Tôn Trung Sơn cùng những ý nghĩa của nó đối với cách mạng ở Trung Quốc nói riêng, với cách mạng ở các nước bị áp bức và bóc lột khác nói chung, bài viết còn chỉ ra được những hạn chế trong chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn. Tiếp đó, bài viết trình bày những đánh giá của V.I.Lênin về chủ nghĩa tam dân nói riêng và tư tưởng Tôn Trung Sơn nói chung.

Tôn Trung Sơn - Tôn Dật Tiên (1866 - 1925) - nhà dân chủ cách mạng và chính khách kiệt xuất của Trung Quốc, người mà V.I.Lênin, trong *Chủ nghĩa dân chủ và chủ nghĩa dân túy ở Trung Quốc*, đã đánh giá "là một nhà dân chủ cách mạng đầy tinh thần cao quý và anh hùng, tiêu biểu cho một giai cấp không phải đang xuống mà là đang lên, một giai cấp không sợ tương lai, mà tin tưởng và đấu tranh quên mình cho tương lai đó, một giai cấp căm ghét dĩ vãng và biết vứt bỏ cái thối nát đã chết, cái thối nát bóp chết mọi cái đang sống, một giai cấp không tìm cách bảo vệ và phục hồi dĩ vãng để giữ lấy những đặc quyền của mình"(1).

Năm 1894, Tôn Trung Sơn lập ra tổ chức cách mạng lấy tên là Hưng Trung hội (Hội phục hưng Trung Hoa). Mục đích của hội này là dùng bạo lực lật đổ triều đình Mãn Thanh. Năm 1905, ông cải tổ Hưng Trung hội thành một tổ chức có tính chất quần chúng hơn - Trung Quốc Đồng minh hội - với một cương lĩnh cách mạng rộng rãi hơn. Cương lĩnh của tổ chức mới này dựa trên 3 nguyên tắc do chính ông vạch ra là: dân tộc độc lập (đánh đổ triều đình Mãn Thanh), dân quyền (thành lập chế độ cộng hòa) và

dân sinh (bình quyền về ruộng đất, thủ tiêu tình trạng bất bình đẳng). Cương lĩnh này được tiếp tục bổ sung, phát triển và hoàn thiện dần về sau. Ông coi chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa dân quyền là cương lĩnh để giành quyền lợi quốc gia và độc lập dân tộc, coi chủ nghĩa dân sinh là cương lĩnh phát triển kinh tế thông qua việc "hạn chế tư bản", tức quốc hữu hoá tư bản lớn của nước ngoài và của bản địa. Chủ nghĩa tam dân này đã trở thành phương hướng và mục tiêu hành động cho Đồng minh hội. Cũng từ đây, tư tưởng chính trị này không chỉ là ngọn cờ tập hợp mọi lực lượng đấu tranh, mà còn trở thành cương lĩnh chính trị hoàn chỉnh của cuộc cách mạng Tân Hợi (năm 1911) - cuộc cách mạng đấu tranh phá vỡ sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc ở châu Á và các cuộc cách mạng tư sản khác lúc bấy giờ, thúc đẩy toàn diện tiến trình cận đại hoá Trung Quốc, như V.I.Lênin đã chỉ ra: trong cuộc cách mạng này, "nhân dân Trung Quốc đã lật đổ được chế độ cũ mang tính chất thời trung cổ và cái chính phủ

(*) Học viên cao học, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) V.I.Lênin. *Toàn tập*, t.21. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.514.

duy trì chế độ đó. Tại Trung Quốc, chế độ cộng hòa đã được thiết lập và *ngghi viện đầu tiên* của một nước châu Á vĩ đại"(2). Nhưng, nền tự do của nước Trung Hoa sẽ dĩ giành được là do có sự liên minh giữa phái dân chủ nông dân và giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa. Vậy, liệu nông dân, những người không được một đảng vô sản lãnh đạo, có thể giữ vững lập trường dân chủ của mình để chống lại phái tự do - một phái chỉ chờ cơ hội thuận tiện là thay đổi mục tiêu của mình - hay không?

Tháng 8 năm 1912, Quốc dân đảng được thành lập trên cơ sở tổ chức Đồng minh hội - "Chỗ dựa chủ yếu của "Quốc dân đảng" là quảng đại quần chúng nông dân. Lãnh tụ của đảng đó là những người trí thức được đào luyện ở ngoài nước"(3). Tôn Trung Sơn tiếp tục khẳng định chủ nghĩa tam dân là chủ nghĩa cứu nước, đưa Trung Quốc lên địa vị quốc tế, địa vị chính trị, kinh tế bình đẳng.

Trong những năm về sau, Tôn Trung Sơn vẫn tiếp tục đấu tranh chống thế lực phản động trong nước và bọn đế quốc nước ngoài. Đồng thời, ông đã hoan nghênh V.I.Lênin và Cách mạng Tháng Mười Nga. Cuộc cách mạng này đã có ảnh hưởng lớn đến thế giới quan của ông trong việc nhìn nhận, lên án bản chất của chủ nghĩa đế quốc để từ đó chủ trương đánh đổ bọn quân phiệt cấu kết với chủ nghĩa đế quốc, kiên quyết đập tan mọi sự can thiệp và không công nhận đặc quyền của đế quốc ở Trung Quốc, thừa nhận quyền tự quyết của các dân tộc ở nước này, kêu gọi thiết lập những quan hệ thân thiện giữa Trung Quốc với nước Nga Xô viết trên tinh thần "*liên Nga, liên Cộng, phù trợ công nông*". Với mục đích thành lập một mặt trận toàn dân đấu tranh cho độc lập và dân chủ hóa đất nước, Tôn Trung Sơn đã tích cực hoạt động cho sự hợp tác giữa Quốc dân

đảng do ông lãnh đạo với Đảng Cộng sản Trung Quốc, ủng hộ công nhân và nông dân.

Là một bộ phận quan trọng cấu thành chủ nghĩa tam dân, chủ nghĩa dân tộc là một thứ bảo bối giúp một quốc gia phát triển và một dân tộc sinh tồn. Đặc biệt, trong điều kiện Trung Quốc bị phong kiến Mãn Thanh thống trị và bị các nước phương Tây xâm xé, việc giành lại độc lập cho dân tộc, lật đổ triều đại Mãn Thanh, đánh đuổi các thế lực phương Tây là điều kiện tiên quyết để có dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc. Theo ông, Trung Quốc chỉ có chủ nghĩa gia tộc và tông tộc, không có chủ nghĩa quốc tộc. Nói đúng hơn, Trung Quốc từng có chủ nghĩa dân tộc, nhưng đã bị mất đi, nay phải khôi phục. Muốn vậy cần phải thức tỉnh, đoàn kết, tập hợp lực lượng từ gia tộc tới tông tộc, rồi đến quốc tộc như một đặc thù và khôi phục nền đạo đức, trí năng vốn có của văn hoá Trung Quốc. Mặt khác, ông cũng cho rằng cần coi trọng chủ nghĩa dân tộc trước rồi mới đến chủ nghĩa thế giới và tin rằng, văn minh tinh thần của Trung Quốc rất đáng trân trọng, song cũng cần học tập cả tinh hoa văn hoá phương Tây thì mới có thể giải phóng dân tộc được.

Chủ nghĩa dân quyền chủ trương dân quyền bình đẳng, phổ biến, mọi cá nhân và đoàn thể chống đế quốc đều được hưởng quyền tự do, dân chủ. Theo ông, dân quyền là sức mạnh chính trị của nhân dân, nhân dân quản lý chính trị. Chính trị là do hai bộ phận "chính" và "trị" cấu thành. *Chính* là việc của dân chúng, lực lượng lớn tập hợp việc của dân chúng gọi là chính quyền; chính quyền có thể gọi là dân quyền. *Trị* là quản lý việc của dân chúng, gọi là trị

(2) V.I.Lênin. *Sdd.*, t.23, tr.176.

(3) V.I.Lênin. *Sdd.*, t.22, tr.234.

quyền; trị quyền có thể gọi là chính phủ. Bởi vậy, chính trị bao gồm hai lực lượng: *một là* chính quyền (quyền của dân chúng), gồm bốn quyền: tuyển cử, bãi miễn, sáng chế, phúc quyết; và *hai là* trị quyền (quyền của Chính phủ). Bởi ở châu Âu, trị quyền gồm có ba quyền: lập pháp, tư pháp và hành pháp. Ở Trung Hoa trước kia, các quyền trên đều thuộc về hoàng đế, nhưng ở đây có thêm hai quyền độc lập không thuộc về nhà vua (mà châu Âu cũng không có) là quyền *giám sát* và *khảo thí*. Mỗi quyền đều có tổ chức, cơ chế hoạt động riêng. Tôn Trung Sơn đã dung hòa cả hai chế độ Âu - Á và lập ngũ quyền hiến pháp, chia trị quyền ra làm năm: lập pháp, tư pháp, hành pháp, giám sát và khảo thí. Theo tinh thần hiến pháp ấy, người dân Trung Hoa được lựa chọn người tài đức để giao trị quyền cho họ. Điều này cũng dùng để tránh nạn chính phủ bất lực, hoặc chính phủ quá mạnh rồi lại đàn áp dân chúng. Như vậy, ông đã thống nhất bốn quyền lớn của nhân dân và năm quyền của chính phủ trong một chỉnh thể, hình thành một chế độ chính trị mới mà ở đó, nhân dân đã thực sự có quyền của mình và sẽ góp phần làm giảm bớt sự tiêu cực trong bộ máy nhà nước, thực hiện một nền dân chủ và một nhà nước kiểu mới phù hợp với xu thế phát triển của dân tộc. Và ông tin rằng, nếu thực hành chỉnh thể này thì Trung Quốc sẽ trở thành một thế giới chưa từng có.

Cùng với đó, ông cũng đề ra nguyên lý "quyền" và "năng". Quyền thuộc về dân, là một lực lượng lớn như quốc gia, đủ sức chế ngự quần chúng - dân quyền. Hai tiếng "dân quyền" gồm ý nghĩa tự do và bình đẳng, vì dân quyền có thi hành thì mới có tự do, bình đẳng, qua đó lại tránh được tự do phóng túng, thái quá. Muốn thực hiện

được vấn đề "dân quyền" thì cần phải có một chính phủ có đủ năng lực, có quyền định đoạt và hết lòng lo việc công ích. Tức là, những người tham gia chính phủ phải là những người hữu năng - trị quyền.

Chủ nghĩa dân sinh - một bộ phận quan trọng cấu thành chủ nghĩa tam dân - góp phần giải quyết những vấn đề về "đời sống của nhân dân, sinh tồn của xã hội, sinh kế của quốc dân, sinh mệnh của quần chúng"(4). Do đó, có lúc Tôn Trung Sơn gọi "chủ nghĩa dân sinh là chủ nghĩa xã hội, còn gọi là chủ nghĩa cộng sản, tức là chủ nghĩa đại đồng"(5). Ông hy vọng rằng, những lý luận đề ra trong chủ nghĩa dân sinh có thể kêu gọi quần chúng nhân dân đấu tranh xoá bỏ sự bất bình đẳng về kinh tế, đem lại sự ấm no cho tất cả mọi người, làm cho đất nước trở nên hùng mạnh. Trong *Chủ nghĩa tam dân và tiền đồ của Trung Quốc*, ông khẳng định: Mục đích của chúng ta là mưu cầu hạnh phúc cho Trung Quốc. Vì không chịu sự chuyên chế của một nhóm người Mãn mà phải làm cách mạng dân tộc. Vì không chịu sự chuyên chế của một ông vua mà phải làm cách mạng chính trị, không chịu để một nhóm nhà giàu độc quyền mà phải làm cách mạng xã hội". Bởi, trong xã hội Trung Quốc cận đại, vấn đề sinh tồn của xã hội bị đe dọa nghiêm trọng. Sự bóc lột của chủ nghĩa đế quốc về kinh tế đã phá vỡ nền kinh tế truyền thống lâu đời ở Trung Quốc, làm cho vấn đề kinh tế và sinh mệnh của nhân dân trở nên khốn khó.

Xuất phát từ thực trạng Trung Quốc vốn là một nước nông nghiệp truyền thống, trong giai đoạn đầu (tức là trước cách mạng Tân Hợi năm 1911), Tôn Trung Sơn

(4) Tôn Trung Sơn. *Chủ nghĩa tam dân*. Nxb Viện Thông tin khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.313.

(5) Tôn Trung Sơn. *Sdd.*, tr.313.

cho rằng, vấn đề ruộng đất là cái gốc của tất cả các vấn đề xã hội. Nếu ruộng đất được phân chia đồng đều thì sự phân biệt giàu nghèo không quá gay gắt. Ngược lại, nếu có sự bất bình đẳng, nó sẽ tạo nên những vấn đề xã hội nghiêm trọng. Chính vì thế, ông đề xướng thực hiện bình quân địa quyền, quy định giá đất, thực hiện quy phân gia tăng giá trị của giá đất về sở hữu chung của toàn dân và chủ trương *người cày có ruộng*.

Bình quân địa quyền yêu cầu phải quốc hữu hoá ruộng đất, huỷ bỏ các quan hệ sản xuất phong kiến lỗi thời nhằm làm cho việc buôn bán diên thổ diễn ra hết sức tự do, thúc đẩy nhanh chóng sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Hay, bình quân địa quyền chính là tư tưởng về công hữu quyền ruộng đất. Mục đích của nó là nhằm xoá bỏ sự lũng đoạn diên thổ của giai cấp thống trị phong kiến, khiến cho quyền ruộng đất trong cả nước đều được sử dụng một cách công bằng, hợp lý; đồng thời, cũng khiến cho ruộng đất có thể phát huy hết tác dụng, đem lại lợi ích chung cho mọi người, chứ không phải là quan điểm chia đều ruộng đất theo nghĩa đen của từ này. Có thể nói, một cương lĩnh như vậy ở một nước phong kiến lạc hậu đã đóng vai trò cách mạng trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột của chế độ phong kiến. Bởi vì, nó phần nào phản ánh được những nguyện vọng và quyền lợi thiết thân của người nông dân yêu cầu về ruộng đất.

Để thực hiện được điều này, Tôn Trung Sơn đã đưa ra một số biện pháp cụ thể, như chủ trương trao quyền định giá đất đai cho chủ đất, quy định về giá đất... Sau đó, bình quân địa quyền được cụ thể hoá bằng khẩu hiệu người cày có ruộng. Nhưng, muốn sản xuất nông nghiệp phát triển,

nâng cao sản lượng thực phẩm đáp ứng nhu cầu của nhân dân thì phải thực hiện nhu cầu người cày có ruộng thông qua việc nhà nước đưa ra những quy định về luật ruộng đất, luật trưng thu ruộng đất nhằm hạn chế diện tích đất đai tư hữu. Nếu diện tích đất đai mà chủ đất sở hữu vượt quá mức quy định thì sẽ phải bán đi, hoặc nhà nước sẽ trưng thu phần dư thừa đó. Điều này sẽ tránh được tình trạng người thì có quá nhiều ruộng đất, còn kẻ thì lại không có ruộng đất để sinh sống, đảm bảo quyền sở hữu ruộng đất cho người nông dân. Bên cạnh đó, nhà nước cũng có thể cấp vốn và ruộng đất, hoặc cho người nông dân thuê đất để họ trực tiếp canh tác, giúp đỡ nông dân trong kỹ thuật canh tác, phát triển sản xuất, xây dựng các công trình thủy lợi tưới tiêu, khai khẩn đất hoang... để tạo ra cho người nông dân đủ ruộng đất, từ đó có thể hưởng quyền sở hữu ruộng đất canh tác. Ông cho rằng, chỉ có thực hiện khẩu hiệu "*người cày có ruộng*" thì mới có thể giải quyết được vấn đề cùng khổ của nông dân. Đó mới là cuộc cách mạng triệt để mang tính chất xã hội chủ nghĩa.

Đối với vấn đề *tiết chế tư bản*, Tôn Trung Sơn đề ra hai chính sách: *tiết chế tư bản tư nhân và phát triển tư bản nhà nước*. Mục đích của tiết chế tư bản tư nhân là khiến cho chế độ tư bản tư nhân không thể thao túng được quốc kế dân sinh, ngăn chặn sự tập trung của cải quá mức vào tay tư nhân, ngăn chặn sự phân biệt giàu nghèo, ngăn cản sự phát triển của hiện tượng bất bình đẳng trong xã hội do sự chênh lệch giàu nghèo giữa tư bản tư nhân và người lao động. Từ đó, ông đưa ra bốn biện pháp để thực hiện là: hạn chế phạm vi kinh doanh của các doanh nghiệp tư nhân bằng cách quốc hữu hoá tất cả các doanh

nghiệp có quy mô lớn, kinh doanh trong những lĩnh vực mang tính chất độc quyền để nhà nước quản lý như ngân hàng, đường sắt, hàng hải...; nộp thuế trực tiếp; cải tạo xã hội và công nghiệp; xã hội hóa phân phối. Cùng với việc "tiết chế tư bản tư nhân", Tôn Trung Sơn đề xuất đẩy mạnh phát triển tư bản nhà nước với hy vọng sẽ tạo ra được sức mạnh đối kháng chống lại sự áp chế về kinh tế của thế lực đế quốc. Mục đích của chính sách này là phát triển thực nghiệp quốc gia, khai thác nguồn tài nguyên giàu có, tạo nên tư bản nhà nước. Túc là, lấy những doanh nghiệp nhà nước để hạn chế phạm vi phát triển và lũng đoạn của tư bản tư nhân. Theo Tôn Trung Sơn, thực hiện những điều này nhằm tạo nên sự công bằng về quyền lợi vật chất cho mọi người trong xã hội, cũng như tạo nên sức mạnh nội tại của quốc gia để chống lại những áp lực về kinh tế từ bên ngoài, mang lại một cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân Trung Quốc.

Tôn Trung Sơn coi chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa dân quyền là cương lĩnh để giành quyền lợi quốc gia và độc lập dân tộc, coi chủ nghĩa dân sinh là cương lĩnh phát triển kinh tế. Chủ nghĩa tam dân đã trở thành phương hướng và mục tiêu hành động cho Đồng minh hội. Cũng từ đây, tư tưởng chính trị này không chỉ là ngọn cờ tập hợp mọi lực lượng đấu tranh, mà còn trở thành cương lĩnh chính trị hoàn chỉnh của cuộc cách mạng Tân Hợi (năm 1911) - cuộc đấu tranh cách mạng đã phá vỡ sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc ở châu Á và các cuộc cách mạng tư sản khác lúc bấy giờ, thúc đẩy toàn diện tiến trình cận đại hoá Trung Quốc, bước đầu giành được những quyền lợi nhất định cho nhân dân, V.I.Lênin đã nhận xét: "Bốn trăm triệu

người châu Á chậm tiến đã giành được tự do và đã tham gia sinh hoạt chính trị. Một phần tư nhân loại trên trái đất, có thể nói là đã tỉnh giấc và hướng về ánh sáng, hướng về hoạt động và đấu tranh"(6).

Tuy nhiên, cuộc cách mạng này cũng không thể tránh khỏi thất bại do những hạn chế của thời đại và hạn chế ngay từ trong chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn, như V.I.Lênin đã đánh giá: "Nhà dân chủ tiên tiến đó của Trung Quốc lập luận y hệt một người Nga. Ông giống người dân tụy Nga nhiều đến mức có sự đồng nhất hoàn toàn về những tư tưởng cơ bản và trên một loạt những lời phát biểu"(7); "Chủ nghĩa dân chủ tư sản Nga đã mang màu sắc chủ nghĩa dân tụy... Ngày nay chúng ta thấy rằng chủ nghĩa dân chủ tư sản ở Trung Quốc cũng lại mang cái màu sắc dân tụy hoàn toàn cùng loại đó"(8). Mặc dù vậy, V.I.Lênin đã đánh giá rất cao bản chất dân chủ, cách mạng của chủ nghĩa tam dân: "Trước mắt chúng ta là một hệ tư tưởng thực sự vĩ đại của một dân tộc thực sự vĩ đại, một dân tộc chẳng những biết xót xa về tình trạng nô lệ lâu đời của mình, chẳng những biết mơ ước đến tự do và bình đẳng, mà còn biết *đấu tranh* chống lại những kẻ đã áp bức Trung Quốc hàng thế kỷ"(9).

Ở đây, chủ nghĩa dân chủ trung thực và chiến đấu đã thấm sâu vào từng dòng chữ trong cương lĩnh của Tôn Trung Sơn. Cương lĩnh đó hiểu rõ ràng, chỉ làm cách mạng "chúng tộc" không thôi thì không đủ và ở đó không hề có một chút tinh thần vô chính trị nào cả, hay dù chỉ là sự coi nhẹ tự do chính trị, dù chỉ là có tư tưởng dung hòa

(6) V.I.Lênin. *Sdd.*, t.22, tr.232.

(7) V.I.Lênin. *Sdd.*, t.21, tr.512.

(8) V.I.Lênin. *Sdd.*, t.21, tr.513.

(9) V.I.Lênin. *Sdd.*, t.21, tr.514.

"cuộc cải cách xã hội", những cải cách lập hiến và chế độ chuyên chế Trung Quốc (một điều đáng lưu ý là, Tôn Trung Sơn không tán thành với học thuyết "đấu tranh giai cấp" của C.Mác mà cho rằng, "đấu tranh sinh tồn là mưu cầu của sự tiến hoá xã hội", điều hoà lợi ích các cá nhân trong xã hội). Cương lĩnh đó tán thành chủ nghĩa dân chủ hoàn chỉnh, đòi hỏi phải thành lập chế độ cộng hòa và trực tiếp đề cập đến vấn đề tình cảnh, đấu tranh của quần chúng, nhiệt liệt đồng tình với những người lao động và bị bóc lột, tin tưởng rằng họ có chính nghĩa và sức mạnh.

Trong quá trình phân tích vai trò của các giai cấp, V.I.Lênin đã chỉ ra vai trò của giai cấp tư sản ở châu Âu và châu Á: "Giai cấp tư sản phương Tây đã thối nát, và trước mặt nó đã xuất hiện người đào huyệt chôn nó, tức là giai cấp vô sản. Còn ở châu Á thì *hãy* còn có giai cấp tư sản có khả năng đại diện cho chủ nghĩa dân chủ trung thực, chiến đấu, triệt để"(10). Vậy, người đại diện chủ yếu, hay chỗ dựa chủ yếu của giai cấp tư sản châu Á - giai cấp còn có khả năng hoàn thành một sự nghiệp lịch sử tiến bộ - chính là **nông dân**. Cùng với đó, V.I.Lênin đã phê phán giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa với tính chất dao động, chuộng lợi và có thể phản bội trước những tình thế cách mạng khác nhau. Do đó, nếu không có một cao trào dân chủ chân thực và lớn mạnh thúc đẩy quần chúng lao động, làm cho họ có đủ khả năng thực hiện nhiều điều kỳ diệu, một cao trào lộ ra qua từng câu trong cương lĩnh của Tôn Trung Sơn thì không thể thực sự giải phóng nhân dân Trung Quốc khỏi ách nô lệ lâu đời được; vì "hệ tư tưởng của chủ nghĩa dân chủ chiến đấu ở nhà dân tủy Trung Quốc đó lại được kết hợp, thứ nhất, với những ước mơ xã hội

chủ nghĩa, với hy vọng là Trung Quốc có thể bỏ qua con đường tư bản chủ nghĩa, có thể ngăn ngừa chủ nghĩa tư bản, và thứ hai, với một kế hoạch cải cách ruộng đất triệt để và việc tuyên truyền cho cuộc cải cách đó. Chính hai khuynh hướng tư tưởng - chính trị này là yếu tố cấu thành *chủ nghĩa dân tủy*, xét theo ý nghĩa đặc thù của khái niệm ấy, tức là khác với chủ nghĩa dân chủ và bổ sung cho chủ nghĩa dân chủ"(11).

Nguồn gốc và ý nghĩa của các khuynh hướng ấy là gì? Chủ nghĩa dân chủ Trung Quốc không thể lật đổ chế độ cũ ở nước này và lập nên chế độ cộng hòa nếu không có một cao trào mạnh mẽ về mặt tinh thần và cách mạng của quần chúng. Cao trào như vậy đòi hỏi phải tạo ra một sự thông cảm trung thực nhất đối với tình cảnh quần chúng lao động, một mối căm thù sôi sục nhất đối với những kẻ áp bức và bóc lột họ. Còn ở châu Âu và châu Mỹ, những nơi đã cung cấp những tư tưởng giải phóng cho những người Trung Quốc tiên tiến, cho tất cả những người Trung Quốc chừng nào họ còn đang trải qua cao trào ấy, vấn đề trước mắt là sự giải phóng khỏi ách thống trị của giai cấp tư sản, tức là vấn đề cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, nhất định phải nảy sinh ra việc các nhà dân chủ Trung Quốc có cảm tình với chủ nghĩa xã hội, phải nảy sinh ra chủ nghĩa xã hội chủ quan của họ. *Về mặt chủ quan*, họ là những người xã hội chủ nghĩa, vì họ chống lại ách áp bức và bóc lột quần chúng. Nhưng, những *điều kiện khách quan* của Trung Quốc (một nước lạc hậu, nông nghiệp, nửa phong kiến) chỉ có thể đặt vào chương trình nghị sự trong đời sống của gần 500 triệu nhân

(10) V.I.Lênin. *Sđđ.*, t.21, tr.515.

(11) V.I.Lênin. *Sđđ.*, t.21, tr.515-516.

dân một hình thức áp bức và bóc lột cụ thể, đặc thù về mặt lịch sử, tức là chế độ phong kiến. Đó là chế độ dựa trên sự thống trị của lối sống nông nghiệp và của kinh tế tự nhiên; nguồn gốc sự bóc lột nông dân Trung Quốc theo kiểu phong kiến là cột chặt họ vào ruộng đất dưới hình thức này hay hình thức khác; những đại biểu chính trị của ách bóc lột ấy là toàn thể giai cấp phong kiến và đứng đầu là hoàng đế. Cho nên, trên thực tế, những tư tưởng và những cương lĩnh xã hội chủ nghĩa chủ quan của người dân chủ Trung Quốc đã dẫn đến một cương lĩnh "thay đổi mọi cơ sở pháp luật" chỉ riêng đối với "chế độ sở hữu bất động sản" và một cương lĩnh xóa bỏ chỉ riêng ách bóc lột phong kiến mà thôi. Đó là thực chất của chủ nghĩa dân túy, của cương lĩnh tiến bộ có tính chiến đấu, cách mạng về công cuộc cải cách ruộng đất theo hướng dân chủ - tư sản và của cái lý luận gọi là xã hội chủ nghĩa của Tôn Trung Sơn.

Đứng về mặt học thuyết mà xét, việc "mơ tưởng" rằng ở Trung Quốc có thể "ngăn ngừa" được chủ nghĩa tư bản, rằng ở đó "cuộc cách mạng xã hội" sẽ dễ dàng hơn vì đó là nước lạc hậu,... thực chất là một "mơ tưởng" hoàn toàn phản động. Và, Tôn Trung Sơn, với "một sự ngây thơ trong trắng", đã tự mình phá huỷ lý luận của chính mình khi ông thừa nhận điều mà cuộc sống buộc phải thừa nhận: "Trung Quốc đang đứng trước một sự phát triển công nghiệp lớn lao" (sự phát triển tư bản chủ nghĩa); "thương nghiệp" (chủ nghĩa tư bản) ở Trung Quốc "sẽ phát triển rất rộng rãi"; "sau 50 năm nữa ở nước ta sẽ có rất nhiều thành phố Thượng Hải", tức là những trung tâm đông hàng triệu người, trong đó bọn tư bản thì giàu có, còn người vô sản thì thiếu thốn và nghèo khổ.

Một vấn đề đặt ra là: vậy, "cái cương lĩnh ruộng đất (của Tôn Trung Sơn) thật sự phản động không?". Theo nhận định của V.I.Lênin thì: "Không phải thế. Chính đó là biện chứng của những quan hệ xã hội ở Trung Quốc: các nhà dân chủ Trung Quốc có mỗi cảm tình trung thực với chủ nghĩa xã hội ở châu Âu, nhưng lại biến chủ nghĩa đó thành một học thuyết phản động, và trên cơ sở học thuyết phản động ấy, học thuyết về sự "ngăn ngừa" chủ nghĩa tư bản, họ đã xây dựng một cương lĩnh ruộng đất *thuần túy tư bản chủ nghĩa*, tư bản chủ nghĩa tối đa!"(12).

Thực vậy, "cuộc cách mạng kinh tế" đó đưa đến sự chuyển giao địa tô cho nhà nước, thực hiện quốc hữu hóa ruộng đất thông qua một thứ thuế thống nhất. Sự chênh lệch giữa giá trị ruộng đất ở vùng nông thôn hẻo lánh và ở Thượng Hải là sự chênh lệch về số lượng địa tô. Giá trị ruộng đất là địa tô được tư bản hóa. Biến "sự tăng thêm giá trị" của ruộng đất thành "tài sản nhân dân" thì có nghĩa là chuyển giao địa tô, tức là sở hữu ruộng đất, vào tay nhà nước, hay nói một cách khác là quốc hữu hóa ruộng đất. Một cuộc cải cách như thế trong khuôn khổ chủ nghĩa tư bản là sự tiêu biểu cho chủ nghĩa tư bản thuần túy nhất, triệt để nhất, hoàn chỉnh, lý tưởng nhất.

Quốc hữu hóa ruộng đất đưa đến khả năng xóa bỏ địa tô tuyệt đối và chỉ giữ lại địa tô chênh lệch. Sự xóa bỏ triệt để nhất những độc quyền thời Trung cổ trong nông nghiệp cùng những mối quan hệ trung cổ trong nông nghiệp, việc buôn bán ruộng đất hết sức tự do và việc làm cho nông nghiệp có khả năng thích ứng hết sức dễ dàng với thị trường đó chính là quốc hữu hóa ruộng đất mà học thuyết của C.Mác đã

(12) V.I.Lênin. *Sđđ.*, t.21, tr.518.

chỉ rõ. Nhưng, chủ nghĩa dân túy, để "đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản" trong nông nghiệp, đã đề ra một cương lĩnh ruộng đất mà nếu thực hiện đầy đủ thì sẽ làm cho chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp phát triển hết sức nhanh chóng.

Trung Quốc càng lạc hậu bao nhiêu so với châu Âu và Nhật Bản thì nguy cơ chia năm xẻ bảy và nguy cơ tan rã dân tộc lại càng trầm trọng bấy nhiêu. Chỉ có chủ nghĩa anh hùng của quần chúng nhân dân cách mạng mới có thể "đổi mới" được nước này. Về mặt chính trị của chủ nghĩa anh hùng, nó có khả năng xây dựng nước cộng hòa Trung Hoa và, trong lĩnh vực nông nghiệp, đảm bảo sự phát triển tư bản chủ nghĩa nhanh chóng nhất bằng cách quốc hữu hóa ruộng đất.

Qua việc phân tích chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn và những đánh giá của V.I.Lênin, ta có thể nhận thấy rằng, mặc dù chủ nghĩa tam dân còn có những hạn chế nhất định (như: chủ nghĩa không tưởng, tính không kiên quyết, quy động lực phát triển của xã hội là vấn đề sinh tồn, tính chất sai lầm trong một số quan điểm do Tôn Trung Sơn không có chỗ dựa trong giai cấp vô sản và cơ bản thì tư tưởng của ông vẫn mang màu sắc dân chủ tư sản, nằm trong hệ tư tưởng tư sản, chưa hoàn toàn có thể lôi cuốn được đông đảo quần chúng nhân dân Trung Quốc tham gia cách mạng,...), nhưng với những gì mà tư tưởng này đóng góp cho cách mạng Trung Hoa và nhiều nước bị áp bức khác, V.I.Lênin đã đánh giá cao chủ nghĩa dân chủ cộng hòa chiến đấu và chân thực của Tôn Trung Sơn cùng mối cảm tình nồng nhiệt của ông đối với những người lao động và bị áp bức, với lòng tin tưởng vào chính nghĩa và sức mạnh của họ. Đồng thời, V.I.Lênin tỏ lòng tin tưởng rằng, không một lực lượng nào trên thế giới có thể quét sạch khỏi mặt đất

chủ nghĩa dân chủ anh hùng của quần chúng nhân dân Trung Quốc: "Phái dân chủ tư sản cách mạng do Tôn Dật Tiên đại diện đang tìm con đường đúng đắn tiến tới "đổi mới" nước Trung Hoa nhằm phát triển đến cao độ tính chủ động, ý chí kiên quyết và lòng dũng cảm của quần chúng nông dân trong sự nghiệp cải cách chính trị và ruộng đất"; và, "Giai cấp vô sản Trung Quốc nhất định sẽ thành lập một đảng công nhân dân chủ - xã hội ở Trung Quốc dưới hình thức này hay hình thức khác. Đảng này sẽ phê phán những không tưởng tiểu tư sản và những quan điểm phản động của Tôn Dật Tiên, đồng thời nhất định sẽ thận trọng lọc ra, bảo tồn và phát triển hạt nhân dân chủ cách mạng trong cương lĩnh chính trị và ruộng đất của ông"(13).

Những tư tưởng trong chủ nghĩa tam dân đã có ảnh hưởng lớn đến các nhà yêu nước của Việt Nam đầu thế kỷ XX, trong đó tiêu biểu là Nguyễn Ái Quốc, với nội dung được hết sức quan tâm là ba nguyên tắc: "Dân tộc độc lập; Dân quyền tự do; Dân sinh hạnh phúc"(14). Trên lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã thấy ở đó những tư tưởng tiến bộ, tích cực và có thể vận dụng vào cách mạng Việt Nam, bởi *chủ nghĩa ấy thích hợp với điều kiện nước ta* và từ đó, Người đã phát triển khái niệm "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" lên một trình độ mới, mang tính giai cấp, tính nhân dân, tính dân tộc và tính cách mạng sâu sắc, triệt để của một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng. □

(13) V.I.Lênin. *Sđd.*, t.21, tr.520.

(14) Trần Dân Tiên. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1969, tr.62